

Số: 296 /QĐ-SYT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với
Phòng khám chuyên khoa thẩm mỹ thuộc Công ty TNHH Bệnh viện
thẩm mỹ Lam Giang

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ Y tế Quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ Y tế về ban hành danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 873/QĐ-SYT ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Sở Y tế về việc thành lập Hội đồng chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 1008/QĐ-SYT ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Sở Y tế về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Giấy phép hoạt động số 03686/HCM-GPHĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Sở Y tế về cấp phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với Phòng khám chuyên khoa thẩm mỹ thuộc Công ty TNHH Bệnh viện thẩm mỹ Lam Giang;

Theo đề nghị của Công ty TNHH Bệnh viện thẩm mỹ Lam Giang tại hồ sơ số H29.19-250822-0021 ngày 27 tháng 8 năm 2025 về việc bổ sung danh mục kỹ thuật đối với Phòng khám chuyên khoa thẩm mỹ thuộc Công ty TNHH Bệnh viện thẩm mỹ Lam Giang; Công văn số 03/CV-LG gửi Sở Y tế ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Công ty TNHH Bệnh viện thẩm mỹ Lam Giang về việc báo cáo khắc phục các nội dung tồn tại của Hội đồng chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế tại Công văn số 1802/SYT-NVY ngày 23 tháng 10 năm 2025;

Theo đề nghị của Hội đồng chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế tại Biên bản thẩm định ngày 09 tháng 10 năm 2025 về điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với Phòng khám chuyên khoa thẩm mỹ thuộc Công ty TNHH Bệnh viện thẩm mỹ

Handwritten signature

Lam Giang và Biên bản đánh giá báo cáo khắc phục tồn tại đối với Phòng khám chuyên khoa thẩm mỹ thuộc Công ty TNHH Bệnh viện thẩm mỹ Lam Giang ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng chuyên môn kỹ thuật Sở Y tế;

Theo đề nghị của Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Phòng khám chuyên khoa thẩm mỹ thuộc Công ty TNHH Bệnh viện thẩm mỹ Lam Giang, tại địa chỉ số 190 Huỳnh Văn Bánh, phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện bổ sung các kỹ thuật chuyên môn theo quy định của Thông tư số 23/2024/TT-BYT (danh mục kỹ thuật kèm theo).

Điều 2. Danh mục chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt là căn cứ pháp lý cho việc thực hiện kỹ thuật, chuyển viện, thanh toán chi phí khám, chữa bệnh và là cơ sở để đơn vị phấn đấu phát triển chuyên môn kỹ thuật.

Điều 3. Phòng khám chuyên khoa thẩm mỹ thuộc Công ty TNHH Bệnh viện thẩm mỹ Lam Giang và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật chịu trách nhiệm đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt theo đúng các quy định chuyên môn và quy trình kỹ thuật của Bộ Y tế. Khi không đủ điều kiện thực hiện kỹ thuật đã được phê duyệt thì đơn vị phải chuyển người bệnh đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thích hợp để điều trị.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chức năng thuộc Sở, các tổ chức, cá nhân có liên quan, Phòng khám chuyên khoa thẩm mỹ thuộc Công ty TNHH Bệnh viện thẩm mỹ Lam Giang và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Ban Giám đốc Sở Y tế;
- UBND phường Phú Nhuận;
- P.CNTT, VPS (đăng Cổng TTĐT Sở Y tế);
- Lưu: VT, NVY (NTMN).



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hồng Chương

**DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN TẠI PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA
THẨM MỸ THUỘC CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN THẨM MỸ LAM GIANG**
(Kèm theo Quyết định số: 296 /QĐ-SYT ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Sở Y tế)

STT	STT TT23	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
	1	2	3	4
1.	1	1.1	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường
2.	28	1.28	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường
3.	53	1.53	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu
4.	59	1.59	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thở oxy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van)
5.	65	1.65	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Bóp bóng ambu qua mặt nạ
6.	66	1.66	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Đặt nội khí quản
7.	6430	9.6	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Cấp cứu cao huyết áp
8.	6431	9.7	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Cấp cứu ngừng thở
9.	6432	9.8	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Cấp cứu ngừng tim
10.	6434	9.10	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Cấp cứu tụt huyết áp
11.	6483	9.59	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Dự phòng rối loạn đông máu bằng tiêm truyền axit tranexamic
12.	6551	9.127	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Liệu pháp kháng sinh dự phòng trước và sau phẫu thuật
13.	6572	9.148	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Rửa tay phẫu thuật
14.	6573	9.149	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Rửa tay sát khuẩn
15.	6592	9.168	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy
16.	6597	9.173	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Theo dõi SpO ₂
17.	6600	9.176	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường quy
18.	6607	9.183	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Thở oxy gọng kính
19.	6608	9.184	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Thở oxy qua mặt nạ
20.	6609	9.185	09. GÂY MÊ HỒI SỨC	Thở oxy qua mũi kín
21.	18913	28.1	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Cắt lọc - khâu vết thương da đầu mang tóc (< 5cm)

uuu

STT	STT TT23	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
	1	2	3	4
22.	18945	28.33	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mi mắt
23.	18946	28.34	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Khâu da mi
24.	18960	28.48	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật điều trị hờ mi
25.	18964	28.52	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật mở rộng khe mi
26.	18995	28.83	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Khâu và cắt lọc vết thương vùng mũi
27.	19012	28.100	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật thu nhỏ đầu mũi
28.	19014	28.102	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật hạ thấp sống mũi
29.	19015	28.103	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật tạo hình nâng xương chính mũi
30.	19018	28.106	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật chỉnh sụn cánh mũi
31.	19021	28.109	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật lấy sụn vách ngăn mũi làm vật liệu ghép tự thân
32.	19022	28.110	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Khâu vết thương vùng môi
33.	19048	28.136	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật khâu vết rách đơn giản vành tai
34.	19049	28.137	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Khâu cắt lọc vết thương vành tai
35.	19060	28.148	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật tạo hình thu nhỏ vành tai
36.	19069	28.157	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật tạo hình sẹo lồi quá phát vành tai
37.	19074	28.162	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức
38.	19075	28.163	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản
39.	19137	28.225	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Cắt u phần mềm vùng cổ (< 3cm)
40.	19138	28.226	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Cắt novis sắc tổ vùng hàm mặt (< 3cm)
41.	19326	28.414	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật thu gọn môi dày
42.	19327	28.415	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật độn môi



STT	STT TT23	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
	1	2	3	4
43.	19328	28.416	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật điều trị cười hở lợi
44.	19330	28.418	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật thừa da mi trên
45.	19331	28.419	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật cắt da mi dưới cung mày
46.	19332	28.420	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật cắt da trán trên cung mày
47.	19333	28.421	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật tạo hình mắt hai mí
48.	19334	28.422	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật khâu tạo hình mắt hai mí
49.	19335	28.423	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật lấy bóng mỡ mi dưới
50.	19336	28.424	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật thừa da mi dưới
51.	19338	28.426	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật treo cung mày trực tiếp
52.	19339	28.427	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật treo cung mày bằng chỉ
53.	19341	28.429	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật nâng mũi bằng vật liệu đôn nhân tạo kết (<i>trừ sụn sườn</i>)
54.	19342	28.430	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật nâng mũi bằng vật liệu đôn nhân tạo
55.	19344	28.432	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật thu gọn cánh mũi
56.	19345	28.433	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật chỉnh hình mũi gỗ (<i>kỹ thuật mào xương</i>)
57.	19346	28.434	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật chỉnh hình mũi lệch (<i>kỹ thuật mào xương</i>)
58.	19353	28.441	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật căng da mặt bán phần
59.	19357	28.445	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật căng da trán
60.	19359	28.447	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Phẫu thuật căng da trán thái duong
61.	19363	28.451	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Hút mỡ vùng cằm
62.	19403	28.491	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Tiêm Botulium điều trị nếp nhăn
63.	19404	28.492	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Tiêm chất làm đầy xóa nếp nhăn



Handwritten signature

STT	STT TT23	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
	1	2	3	4
64.	19405	28.493	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Tiêm chất làm đầy nâng mũi
65.	19406	28.494	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Tiêm chất làm đầy độn mô
66.	19399	28.487	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Laser điều trị u da
67.	19401	28.489	28. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH THẨM MỸ	Laser điều trị đồi mồi

Lưu ý: Người chịu trách nhiệm chuyên môn phân công người hành nghề có chứng chỉ hành nghề/giấy phép hành nghề phù hợp để thực hiện kỹ thuật đã được phê duyệt./.

